TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BÌNH PHƯỚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2023/DS-PT
Ngày: 28-3-2023
V/v "*Tranh chấp hợp đồng hợp tác và hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Bình

Các Thẩm phán: Ông Bùi Thanh Thảo

Bà Đinh Thị Quý Chi

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thế Huy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Phước: Bà Đào Thị Tân - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 28 tháng 3 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Phước xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 122/2022/ TLPT- DS ngày 26 tháng 10 năm 2022; về "*Tranh chấp hợp đồng hợp tác và hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất*", do Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2022/QĐXXPT-DS ngày 25 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

** Nguyên đơn:* Anh **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1979 (Có mặt)
Địa chỉ: Khối 6, phường L, thành phố V, tỉnh Nghệ An.
** Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc Y**, sinh năm 1979 (Có mặt)
Địa chỉ: Ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước.
** Người có quyền lợi, nghĩ vụ liên quan:*
Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1976. Nơi đăng ký thường trú: thôn V, xã Đ, thị xã Đ, tỉnh Q. Nơi cư trú: Khu phố 1, phường H, thị xã T, tỉnh Bình Dương. (Vắng mặt)

Người kháng cáo: bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S trình bày như sau:

Anh S và chị Y có mối quan hệ quen biết, hợp tác làm ăn chung với nhau nhiều lần, trong quá trình hợp tác thì phát sinh tranh chấp với 2 vụ việc sau:

- Vụ việc thứ 1: Ngày 10/4/2021, anh S và chị Y thỏa thuận cùng góp vốn để mua 2 lô đất (lô số 3 và lô số 33), tờ bản đồ số 10, diện tích khoảng 1 ha, toạ lạc tại ấp Đ, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước của anh Nguyễn Văn H. Giá chuyển nhượng là 12.000.000.000 đồng (Mười hai tỷ đồng). Trong đó, anh S góp 3 tỷ (tương đương ¼ giá trị mảnh đất), còn lại là của chị Y. Ngày 10/4/2021, anh S và chị Y đặt cọc cho anh H 2 tỷ đồng (Trong đó anh S góp 500.000.000 đồng, chị Y góp 1,5 tỷ đồng). Hai bên thỏa thuận là ngày 10/6/2021 sẽ công chứng và trả hết số tiền còn lại. Tuy nhiên, sau đó chị Y tự thỏa thuận với anh Hạ, đặt cọc thêm 2 tỷ đồng và gia hạn công chứng hợp đồng với anh H mà không được sự đồng ý của anh S.

Tại đơn kiện, anh S yêu cầu chị Y hoàn trả số tiền cọc là 500.000.000 đồng và buộc chị Y bồi thường tiền cọc là 500.000.000 đồng. Tổng cộng là 1 tỷ đồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh S thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu chị Y tiếp tục thực hiện việc chuyển nhượng cho anh S ¼ mảnh đất nêu trên.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của anh S xin rút một phần yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu chị Y phải hoàn trả số tiền anh S đưa cho chị Y để đặt cọc là 500.000.000 đồng.

- Vụ việc thứ 2: Ngày 09/7/2021, anh S và chị Y thỏa thuận chuyển nhượng mảnh đất diện tích 382,6m^2, thuộc số thửa 283, tờ bản đồ số 58, toạ lạc tại ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Giá chuyển nhượng là 1.136.000.000 đồng. Anh S đã đặt cọc cho chị Y 150.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận là ngày 09/8/2021 sẽ công chứng và trả hết số tiền còn lại. Tuy nhiên, sau đó đến ngày 09/8/2021 thì chị Y không ra công chứng hợp đồng chuyển nhượng đất cho anh S. Đến ngày 20/11/2021 thì chị Y lại tiếp tục ký hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng thửa đất trên cho người khác.

Tại đơn khởi kiện, anh S yêu cầu chị Y tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc, buộc chị Y chuyển nhượng mảnh đất diện tích 382,6m2 nêu trên cho anh S. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, anh S thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu chị Y trả lại 150.000.000 đồng tiền đặt cọc và tiền phạt cọc là 150.000.000 đồng. Tổng cộng là 300.000.000 đồng, khấu trừ số tiền 100.000.000 đồng mà chị Y đã trả cho anh S, số tiền còn lại chị Y phải trả là 200.000.000 đồng.

** Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Y trình bày*:

- Đối với việc góp vốn để đặt cọc nhận chuyển nhượng đất: Chị Y thừa nhận ngày 10/4/2021 có hợp tác góp vốn cùng anh S nhận chuyển nhượng của anh H mảnh đất diện tích khoảng 1 ha (có mặt tiền khoảng 86m), tọa lạc tại ấp Đ, xã T,

huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Theo đó, chị Y góp 1,5 tỷ đồng, anh S góp 500 triệu đồng để đặt cọc 2 tỷ đồng cho anh Nguyễn Văn H như anh Sơn trình bày. Tuy nhiên, việc thương lượng mua bán là giữa chị Y và anh H chứ anh S không có quyền thỏa thuận mà chỉ góp tiền tương đương ¼ giá trị mảnh đất. Do khi thỏa thuận giữa chị Y và anh H có nói rõ (Ngày 10/4/2021 đặt cọc 2 tỷ, ngày 10/6/2021 bồi thêm cọc 2 tỷ và khi công chứng trả thêm 4 tỷ để anh H xóa thế chấp tại ngân hàng và ký chuyển nhượng). Khi anh S ghi hợp đồng đặt cọc thì không ghi nội dung bồi thêm tiền cọc và ghi sai số tiền, nên sau đó anh H yêu cầu chị Y ghi lại hợp đồng đặt cọc thì chị Y ghi lại hợp đồng với anh H, chứ không phải chị Y tự ý thay đổi thỏa thuận. Đến ngày 10/6/2021 là hạn bồi cọc thêm 2 tỷ, khi đó chị Y nói anh S đưa thêm tiền thì anh S không chịu đưa thêm tiền cọc tương ứng theo phần góp của anh S là 500.000.000 đồng, nên chị Y phải huy động tiền để góp cho đủ 2 tỷ để đưa cho anh H. Sau đó, chị Y nhiều lần yêu cầu anh S hoàn trả số tiền 500.000.000 đồng cho chị Y, hoặc nếu không mua tiếp thì chị Y sẽ trả cho anh S số tiền 500.000.000 đồng để chị Y mua hết mảnh đất, nhưng anh S vẫn không chịu. Nay anh yêu cầu chị Y phải hoàn trả lại số tiền góp vốn là 500.000.000 đồng thì chị Y cũng đồng ý.

- *Đối với hợp đồng đặt cọc giữa chị Y và anh S ngày 09/7/2021:* Chị Y thừa nhận có nhận số tiền đặt cọc của anh S là 150.000.000 đồng vào ngày 09/7/2021 để đảm bảo việc chuyển nhượng cho anh S mảnh đất 8m bề ngang, tổng diện tích 382,6m^2, thuộc số thửa 283, tờ bản đồ số 58, toạ lạc tại ấp A, xã T, huyện Đ, tỉnh Bình. Mảnh đất thời điểm đó do chị Y đã đặt cọc nhận chuyển nhượng từ ông T và bà N (Đất thời điểm đó đang đứng tên ông Đỗ Tiến T và bà Đinh Thị N, ngày 16/4/2021 chị Y đã ký hợp đồng đặt cọc nhận chuyển nhượng từ ông T và bà N, ngày 09/7/2021 ký hợp đồng chuyển nhượng từ ông T, bà N qua chị Y). Giá chuyển nhượng là 1.136.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận là ngày 09/8/2021 sẽ công chứng và trả hết số tiền còn lại.

Tuy nhiên, đến tháng 8/2021 thì dịch bệnh Covid – 19 phức tạp, không thể công chứng được, anh S cũng về quê. Khi đó, anh S nhờ ông Nguyễn Tiến L đứng tên công chứng, do đó chị Y phải làm lại trích lục từ tên anh S sang tên ông L. Sau đó, anh S lại không chịu công chứng bằng trích lục, nói nếu công chứng bằng sơ đồ trích lục thì phải cho anh S giữ lại số tiền 200.000.000 đồng, chị Y không đồng ý, nên chị Y đồng ý kéo dài thời gian công chứng để chờ có Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (gọi tắt là GCN QSD đất) để công chứng như yêu cầu của anh S. Trong thời gian chờ ra sổ, anh S nhờ chị Y bán giùm mảnh đất trên với giá 144 triệu/1m ngang. Sau đó chị Y đã tìm được người mua với giá 150 triệu đồng/1m ngang, ngày 20/11/2021 chị Y ký nhận cọc số tiền 150 triệu đồng, chị Y trích 50 triệu cho người môi giới, số tiền 100 triệu chị Y đã chuyển cho anh S (giao trực

tiếp cho vợ anh S, có nhắn tin cho anh S và anh S đã xác nhận). Số tiền còn lại thỏa thuận 40 ngày sau thanh toán cho anh S tại văn phòng công chứng (ngày 30/12/2021). Ngày 19/12/2021, chị Y đã nhận được GCN QSD đất nên yêu cầu anh S ngày 20/12/2021 ra văn phòng công chứng thì anh S nói chờ đến ngày 30/12/2021 khi bên thứ 3 trả cho anh S thì anh S mới thanh toán số tiền còn lại cho chị Y, nên chị Y không đồng ý mà yêu cầu ngày 20/12/2021 anh S phải ra công chứng để trả tiền cho chị Y. Ngày 20/12/2021, khi chị Y ra văn phòng công chứng làm hợp đồng, khi hai bên chuẩn bị ký hợp đồng thì anh S nói chưa chuẩn bị đủ tiền nên xin nợ lại thêm 1 tuần, chị Y không đồng ý. Do việc không chuyển nhượng là do lỗi của anh S không chịu thanh toán tiền đúng hạn. Nên nay anh S yêu cầu trả tiền cọc và phạt cọc thì chị Y không đồng ý. Chị Y chỉ đồng ý hoàn trả số tiền cọc 150.000.000 đồng (Trong đó 100.000.000 đồng đã trả, chị Y sẽ trả thêm số tiền còn lại 50.000.000 đồng) cho anh S.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, ông Nguyễn Văn H trình bày*: Tháng 4/2021 ông H bán cho chị Nguyễn Thị Ngọc Y mảnh đất diện tích khoảng 1 ha, tọa lạc tại xã T, huyện Đ, tỉnh Bình Phước, với giá 12 tỷ đồng. Ngày 10/4/2021, ông H nhận cọc 2 tỷ đồng, thỏa thuận ngày 10/6/2021 bồi thêm cọc 2 tỷ đồng, tới ngày công chứng thì trả thêm 4 tỷ để ông H lấy sổ từ ngân hàng về và công chứng. Về nội dung vụ án thì anh H không có yêu cầu gì. Do bận công việc nên ông H xin xét xử vụ án vắng mặt.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước quyết định:

Áp dụng khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; khoản 1, khoản 3 Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm a khoản 1 Điều 40 và Điều 147, 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các điều 328, 504 của Bộ luật Dân sự; Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S,

- Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Ngọc Y về việc giải quyết hợp đồng hợp tác, góp vốn ngày 10/4/2021: Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Y phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn S số tiền là 500.000.000 đồng *(Năm trăm triệu đồng*).

- Buộc chị Nguyễn Thị Ngọc Y phải trả cho anh Nguyễn Văn S số tiền mà anh S đã đặt cọc vào ngày 09/7/2021 là 150.000.000 đồng và số tiền phạt cọc là 150.000.000 đồng. Khấu trừ đi số tiền mà chị Y đã trả lại cho anh S là 100.000.000 *(Một trăm triệu đồng)*. Số tiền còn lại chị Nguyễn Thị Ngọc Y phải trả cho anh Nguyễn Văn S là 200.000.000 *(Hai trăm triệu đồng)*.

Tổng cộng số tiền mà chị Nguyễn Thị Ngọc Y phải trả cho anh Nguyễn Văn S là 700.000.000 *(Bảy trăm triệu đồng)*.

Tiếp tục áp dụng Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2021/QĐ-BPKCTT ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ để đảm bảo cho việc thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định.

Sau khi xét xử sơ thẩm ngày 31 tháng 8 năm 2022 bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y kháng cáo Bản án dân sự sơ thẩm 14/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước. Đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Các đương sự đã tự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ nội dung vụ án.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Kể từ thời điểm thụ lý giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm đến nay, Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự (TTDS);

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Toà án nhân dân tỉnh Bình Phước nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Ngọc Y làm trong thời hạn luật định, thực hiện đúng quyền và có hình thức, nội dung phù hợp với quy định tại các Điều 271, 272 và 273 Bộ luật TTDS nên hợp lệ, được xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự đã thống nhất được việc giải quyết vụ án cụ thể Đối với hợp đồng đặt cọc nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn S và bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Y và đề nghị Tòa án công nhận như sau:

+ Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Y có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn S số tiền mà anh S tiền góp vốn và đặt cọc vào các ngày 10/4/2021 và ngày 09/7/2021 còn lại là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

+ Thời hạn thanh toán trong 30 ngày, kể từ ngày 29 tháng 3 năm 2023 đến hến ngày 27 tháng 4 năm 2023.

[3] Ngày 29 tháng 12 năm 2021 nguyên đơn có đơn đề nghị áp dụng khẩn cấp tạm thời. Xét thấy nay các bên đã thỏa thuận được với nhau vì vậy cần tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2021/QĐ-BPKCTT ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ cho đến khi bà Y thi hành xong các khoản trả nợ cho ông S và án phí.

[4] Về án phí các cấp anh S và chị Y thỏa thuận:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S và chị Nguyễn Thị Ngọc Y thỏa thuận mỗi người chịu 50% án phí trong tổng số tiền phải trả 550.000.000 đồng = (20.000.000 đồng + 4% của số tiền vượt quá 400.000.000 đồng) = 26.000.000 đồng, anh S, chị Y phải chịu 50% án phí tương ứng với số tiền 13.000.000 đồng/1 người. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho anh Nguyễn Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn lại là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), theo biên lai thu tiền số 0018656, ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc Y phải nộp phí dân sự sơ thẩm là 13.000.000 (Mười ba triệu đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: các bên thỏa thuận bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Y đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0018904, ngày 19/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

[5] Quan điểm của Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[6] Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, viện kiểm sát hai cấp không có kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 2 Điều 308, 309 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị Ngọc Y; sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm thẩm số 14/2022/DS-ST ngày 16 tháng 8 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Áp dụng Điều 147, 148, 300 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các điều 328, 504 của Bộ luật Dân sự;

Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Nguyễn Văn S,

- Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa nguyên đơn anh Nguyễn Văn S và bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Y về việc giải quyết hợp đồng hợp tác, góp vốn ngày 10/4/2021 như sau:

+ Bị đơn chị Nguyễn Thị Ngọc Y có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Văn S số tiền mà anh S góp vốn và đặt cọc vào các ngày 10/4/2021 và ngày 09/7/2021 còn lại là 550.000.000 đồng (Năm trăm năm mươi triệu đồng).

+ Thời hạn thanh toán trong 30 ngày, kể từ ngày 29 tháng 3 năm 2023 đến hến ngày 27 tháng 4 năm 2023.

2. Tiếp tục duy trì Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 08/2021/QĐ-BPKCTT ngày 29/12/2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ cho đến khi bà Y thi hành xong các khoản trả nợ cho ông S và án phí.

Tuyên hoàn trả cho ông S số tiền 240.000.000 đồng tiền đảm bảo tại biên lai nộp tiền số 112 ngày 29 tháng 12 năm 2021 tài khoản số 5602205160718 tại Ngân hàng Agribank chi nhánh huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

3. Về án phí:

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn anh Nguyễn Văn S thỏa thuận chịu 50% án phí tương ứng với số tiền 13.000.000 đồng. Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước hoàn trả cho anh Nguyễn Văn S số tiền tạm ứng án phí đã nộp còn lại là 12.000.000 đồng (Mười hai triệu đồng), theo biên lai thu tiền số 0018656, ngày 30/12/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

- Chị Nguyễn Thị Ngọc Y phải nộp phí dân sự sơ thẩm là 13.000.000 (Mười ba triệu đồng).

- Án phí dân sự phúc thẩm: chị Nguyễn Thị Ngọc Y phải chịu án phí dân sự phúc thẩm 300.000 đồng. Được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị Y đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí phúc thẩm số 0018904, ngày 19/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Bình Phước.

Các phần khác của Bản án dân sự sơ thẩm không có kháng cáo, viện kiểm sát hai cấp không có kháng nghị đã có hiệu lực kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 của Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, người phải thi hành án không tự giác thi hành, thì phải chịu lãi suất theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả tại thời điểm trả nợ.

***Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án**./.*

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bình Phước;
- TAND huyện Đ;
- Chi cục THADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Cổng TTĐT TAND tối cao;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP, Tòa DS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bùi Văn Bình